



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH**  
**GILIMEX**

Địa chỉ : 334A Phan Văn Trị , Phường 11, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : 08-35162288  
Email: [gilimex@gilimex.com](mailto:gilimex@gilimex.com)

Fax: 08.35160118  
website: [www.gilimex.com](http://www.gilimex.com)

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2014**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2015*

# MỤC LỤC

- I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY
- II. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014
- III. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY
- IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
- V. QUẢN TRỊ CÔNG TY
- VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2014 ĐÃ KIỂM TOÁN

# I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Tiếng Việt	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH
Tên Tiếng Anh	BINH THANH IMPORT EXPORT PRODUCTION AND TRADE JOINT STOCK COMPANY
Tên Viết Tắt	GILIMEX
Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302181666, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 19/9/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp	
Vốn điều lệ	139.245.880.000 đồng
Vốn đầu tư	378.572.455.672 đồng
Địa chỉ	334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số điện thoại	84-8 – 35162288
Số fax	84-8 – 38411598 - 35160118
Website	<a href="http://www.gilimex.com">www.gilimex.com</a>
Mã cổ phiếu	GIL

## 2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Thạnh được thành lập theo Quyết định cổ phần hóa số 134/2000/QĐ-TTg ngày 24/11/2000 của Thủ Tướng Chính phủ từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Sản Xuất Kinh doanh Xuất nhập Khẩu Bình Thạnh có tiền thân là Công ty Cung ứng hàng xuất khẩu Quận Bình Thạnh được thành lập từ năm 1982 theo Quyết định số 39/QĐ-UB ngày 19/03/1982 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh
- Ngày 27/12/2000, Công ty đã tiến hành Đại hội Cổ đông thành lập Công ty Cổ phần với Vốn Điều lệ Ban đầu là 12 tỷ đồng. Ngày 29/12/2000, Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000253 và Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Thạnh chính thức hoạt động từ ngày 01/01/2001. Đến nay, Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 19/9/2014 với mã số doanh nghiệp là 0302181666
- Vào ngày 31/12/2014, vốn điều lệ của Công ty là 139.245.880.000 đồng

### 2.1. Niêm yết

- Ngày 02/01/2002, Cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu thứ 11 được chính thức niêm yết và giao dịch tại Trung Tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HoSE) nay là Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán : GIL
- Mệnh giá : 10.000 đồng / cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết hiện nay : 13.924.588 cổ phiếu

## **2.2. Các sự kiện quan trọng**

- **Vốn Điều lệ ban đầu thành lập :** 12.000.000.000 đồng
- **Tháng 8/2001 :** Công ty nâng vốn Điều lệ lên 17.000.000.000 đồng
- **Năm 2003 :** Vốn điều lệ của Công ty là 25.500.000.000 đồng
- **Năm 2005 :** Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ lên 45.500.000.000 đồng để thực hiện Dự án Cao ốc Văn phòng tại số 24C Phan Đăng Lưu, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- **Tháng 9/2007 :** Để thực hiện Dự án Xí nghiệp may Tại Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Công ty đã huy động vốn thông qua phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ lên thành 102.198.810.000 đồng
- **Tháng 4/2010 :** Công ty chia cổ tức 25% bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận năm 2009, lãng Vốn điều lệ từ 102.198.810.000 đồng lên 127.745.880.000 đồng
- **Tháng 02/2012:** Phát hành 550.000 cổ phiếu cho cán bộ, nhân viên Công ty, nâng vốn điều lệ Công ty lên thêm 5.500.000.000 đồng thành 133.245.880.000 đồng
- **Tháng 9/2012 :** Phát hành 600.000 cổ phiếu cho cán bộ, nhân viên Công ty, nâng vốn điều lệ Công ty lên 139.245.880.000 đồng

## **2.3. Các mốc phát triển**

- **Tháng 10/2006:** Khởi công xây dựng Cao ốc văn phòng 24C Phan Đăng Lưu, Bình Thạnh, TP.HCM
- **Tháng 10/2007:** Khởi công xây dựng xí nghiệp may ba lô, túi xách tại Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- **Tháng 8/2008 :** Xí nghiệp may Phú Mỹ hoạt động với tên Công ty TNHH một thành viên Thạnh Mỹ, nay là Công ty TNHH May Thạnh Mỹ
- **Tháng 1/2010 :** Cao ốc văn phòng Gilimex Building đã hoàn thiện và được đưa vào khai thác
- **Quý I/2011 :** Hợp tác với Phong Phú phát triển các nhà máy sản xuất tại Miền Trung bao gồm Văn phòng tại Đà Nẵng, các nhà máy ở Huế và Quảng Trị
- **Tháng 2/2013 :** Góp vốn thành lập Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh Thiết bị Chiếu sáng Thái Bình Dương và đã đi vào hoạt động sản xuất Đèn trang trí xuất khẩu
- **Tháng 3/2013 :** Góp vốn thành lập Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh Kim khí Đại Tây Dương và đã đi vào hoạt động, sản xuất khung kim loại phục vụ cho ngành may gia dụng của Công ty
- **Tháng 12/2013:** Chuyển nhượng Công trình Cao ốc văn phòng 24C Phan Đăng Lưu, Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

- Tháng 09/2014: Chuyên trụ sở chính của Công ty về 334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### 3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

3.1. Ngành nghề kinh doanh chính : Sản xuất và xuất khẩu hàng gia dụng, hàng may mặc

3.2. Địa bàn kinh doanh : Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Châu Âu, Mỹ

### 4. MÔ HÌNH QUẢN TRI - TỔ CHỨC KINH DOANH - BỘ MÁY QUẢN LÝ

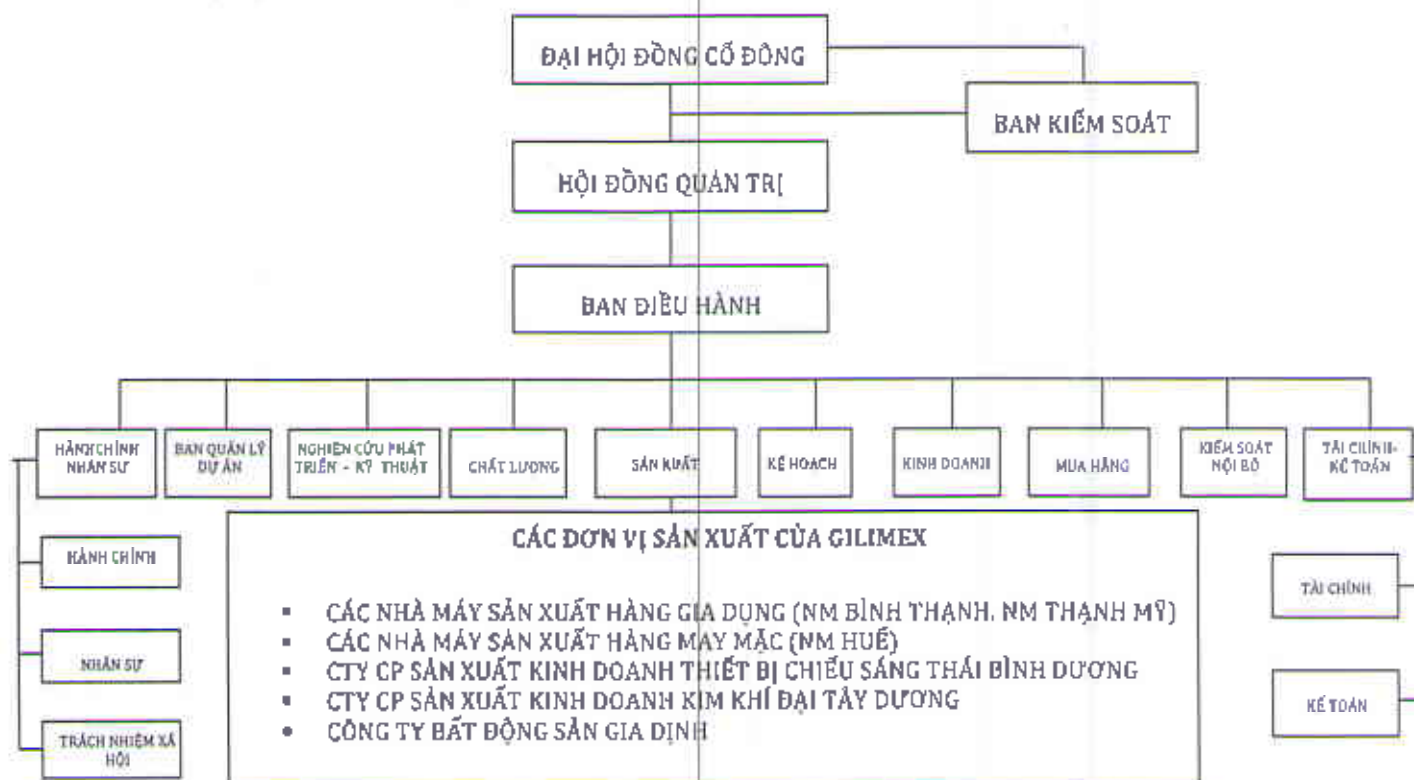
4.1. Mô hình quản trị: Quản lý tập trung với định hướng

- Hướng về khách hàng
- Tập trung các chức năng về Tổng Công ty : Đàm phán với khách hàng, mua hàng, điều phối sản xuất, quản lý chất lượng và nhân sự
- Hiệu quả, linh hoạt, với hao phí thấp nhất và cạnh tranh nhất

**Lợi ích từ việc áp dụng mô hình quản lý tập trung**

- Tập trung được sức mạnh tài chính
- Tập trung sức mạnh trong việc đàm phán khách hàng và nhà cung cấp
- Tinh giảm bộ máy để tận dụng nguồn lực và tiết kiệm chi phí

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý



### **4.3. Các Công ty con**

#### **4.3.1. Công ty con**

##### **Công ty TNHH May Thạnh Mỹ**

- Địa chỉ : Cụm Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch, Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
- Ngành nghề kinh doanh: May trang phục, sản xuất vali, túi xách, yên, chân, đệm
- Vốn điều lệ : 60.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ : 100%

##### **Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định**

- Địa chỉ : 370 Bạch Đằng, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
- Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, nhà ở, tư vấn đầu tư, kinh doanh bất động sản
- Vốn điều lệ : 35.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ : 100%

##### **Công ty cổ phần May Hàng Gia dụng GILIMEX – PPJ**

- Địa chỉ : 334A Phan Văn trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
- Ngành nghề kinh doanh: May trang phục, sản xuất trang phục dệt kim, đan, móc, sản xuất và xuất khẩu hàng may mặc, kinh doanh tơ, xơ, sợi dệt,vải, phụ liệu may mặc, giày dép
- Vốn điều lệ : 130.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ : 100%

##### **Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thiết bị Chiếu sáng Thái Bình Dương**

- Địa chỉ : Cụm công nghiệp – Tiểu Thủ công nghiệp Hắc Dịch, Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
- Ngành nghề : Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng
- Vốn Điều lệ : 20.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ : 100%

##### **Công ty cổ phần Sản xuất Kinh doanh Kim khí Đại Tây Dương**

- Địa chỉ : Cụm công nghiệp – Tiểu Thủ công nghiệp Hắc Dịch, Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.
- Ngành nghề : Sản xuất sản phẩm kim loại
- Vốn Điều lệ : 20.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ : 100%

#### **4.3.2. Công ty con đầu tư gián tiếp**

##### **Công ty cổ phần xuất Nhập Khẩu và Đầu tư Thừa thiên Huế**

- Địa chỉ : 93 An Dương Vương, Phường An Đông, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa thiên Huế, Việt Nam
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và gia công các mặt hàng dệt, may, in lụa trên vải, ba lô, vali, túi xách các loại
- Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần May Hàng Gia dụng GILIMEX – PPJ là : 62,2%
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 62,2%

### **5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

#### **5.1. Các mục tiêu chủ yếu :**

- Ngành hàng: Hàng gia dụng sử dụng vải và vải kết hợp với kim loại, vải kết hợp với nhựa, hàng may mặc
- Năng suất sản xuất: Tăng bình quân mỗi năm lên 10% so với năm trước
- Tăng công suất ít nhất 16 chuyển sản xuất, tương đương với đầu tư 1 nhà máy mới

#### **5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Đa dạng hóa lĩnh vực kinh doanh với mục tiêu trở thành Nhà sản xuất và cung cấp hàng đầu các sản phẩm gia dụng tại Việt Nam, phục vụ cho nhu cầu tối thiểu của cuộc sống con người. Công ty định hướng hoạt động trong 3 nhóm ngành nghề chính:
  - Hàng gia dụng xuất khẩu
  - Hàng may mặc thời trang
  - Đèn và kim loại
- Tiếp tục nghiên cứu và đầu tư các dự án đang triển khai, các dự án tiềm năng khác nhằm khai thác hết thế mạnh hiện có của Công ty

#### **5.3. Mục tiêu về môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

Đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy chuẩn do khách hàng yêu cầu, thực hiện đúng quy định về vệ sinh an toàn trong lao động, bảo vệ môi trường và các chính sách đối với người lao động. Công ty đã ban hành và luôn cập nhật và truyền đạt đến toàn thể người lao động trong Công ty nhằm thấu hiểu và cam kết thực hiện như sau:

- Cam kết không sử dụng : Lao động trẻ em, lao động cưỡng bức và ép buộc lao động trong toàn Công ty
- Bằng mọi biện pháp ngăn chặn, kiểm soát và giảm thiểu các yếu tố tác động đến môi trường
- Cam kết thực hiện các chế độ chính sách xã hội, thời gian làm việc, bảng lương, bảng chấm công minh bạch, công khai theo luật định
- Sử dụng năng lượng hiệu quả, ứng dụng công nghệ mới trong hoạt động sản xuất kinh doanh để tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên

- Sử dụng năng lượng tái tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh (năng lượng mặt trời, gió...) để giảm lượng khí Cacbonic (CO<sub>2</sub>) ra môi trường
- Tạo ra sản phẩm mang tính phát triển bền vững bằng cách tận dụng, tái chế nguyên phụ liệu

## **6. CÁC RỦI RO ĐỐI VỚI CÔNG TY NĂM 2015**

### **6.1. Rủi ro về thị trường:**

Với tình hình thị trường Châu Âu đang có nhiều biến động liên quan đến đồng Euro, việc xuất khẩu hàng hóa của Công ty qua thị trường này có thể có nhiều biến động trong năm 2015

### **6.2. Lao động**

Ngành sản xuất hàng gia dụng có đặc tính sử dụng nhiều lao động nên khi mở rộng sản xuất kinh doanh cần thời gian để người lao động nâng cao tay nghề; lực lượng lao động này thường xuyên biến động nhất là tháng sau Tết Nguyên Đán gây rủi ro trong việc thiếu hụt công nhân, sản xuất giao hàng không đúng hạn

### **6.3. Lương tối thiểu tăng 15%**

Kéo theo chi phí lương và BHXH tăng, giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu tăng theo.

- 6.5. Hàng tồn kho:** Do đặc thù ngành sử dụng nhiều lao động nên việc dự trữ nguyên vật liệu cho sản xuất giao hàng đúng hạn và duy trì sản xuất đảm bảo việc làm cho công nhân là việc cần thiết, nhưng khi thị trường biến động: đơn hàng giảm, nhu cầu từ khách hàng giảm đột ngột làm tăng rủi ro về tồn kho, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh



## II. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014

### I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Với 33 năm thành lập và trưởng thành, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty liên tục phát triển song song với việc mở rộng quy mô đầu tư, xây dựng nhà xưởng mới với hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng những quy chuẩn của khách hàng. Doanh số xuất khẩu trực tiếp từ 2 triệu USD trong những năm đầu thành lập đã đạt đến 40,5 triệu USD trong năm 2014, thị trường xuất khẩu ngày càng mở rộng với thị trường chính là Châu Âu và Mỹ.

Đến nay, GILIMEX đã khẳng định được vị trí của mình trước công chúng và nhà đầu tư, là một trong những công ty niêm yết hoạt động có hiệu quả và mang lại lợi nhuận cho cổ đông.

**Doanh thu và lợi nhuận hợp nhất của Công ty qua các năm như sau:**

CHỈ TIÊU/NĂM	ĐVT	2010	2011	2012	2013	2014
DOANH THU	VNĐ	416.011.725.891	726.235.822.771	994.275.400.196	892.679.399.727	1.108.271.109.436
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	VNĐ	50.261.571.206	87.072.556.253	46.402.981.348	60.782.993.530	66.227.429.735
TỶ LỆ CỔ TỨC/VỐN ĐIỀU LỆ	%	27	60	10	40	80

#### Kết quả hoạt động trong năm

Trong năm qua, tình hình chung của thị trường tiêu thụ và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng còn rất nhiều khó khăn, song với sự nỗ lực của Ban điều hành và tập thể người lao động, Công ty đã không ngừng vượt khó, tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng thị trường xuất khẩu, đáp ứng yêu cầu đơn hàng và những quy định nghiêm ngặt của khách hàng đối với sản phẩm để đạt được những thành quả tích cực trong sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2014	THỰC HIỆN NĂM 2014	THỰC HIỆN 2014 / KẾ HOẠCH
Tổng Doanh Thu	VNĐ	1.000.000.000.000	1.108.271.109.436	111%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	VNĐ	45.000.000.000	51.871.075.010	115%

So với các chỉ tiêu và mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông Công ty Gilimex đề ra cho năm 2014 thì các chỉ tiêu về doanh số và lợi nhuận đạt vượt kế hoạch, nguyên nhân là do : Song song với việc tổ chức lại mua hàng hiệu quả, dẫn đến giá nguyên vật liệu giảm khoảng 20% - 30%, thì việc cải tổ lại các phòng ban trong công ty theo hướng cắt giảm chi phí, cũng làm gia tăng hiệu quả hoạt động. Đồng thời, việc phát triển thị trường và khách hàng mới đã bước đầu mang lại hiệu quả cho Công ty

## **2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**

### **2.1. Danh sách Ban Tổng Giám đốc**

#### **Tổng Giám đốc**

- Họ và tên : LÊ HÙNG
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh
- Số cổ phần nắm giữ : 1.558.611 cổ phiếu phổ thông GIL - chiếm tỷ lệ 11,39% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

#### **Kế toán trưởng**

- Họ và tên : NGUYỄN THỊ MINH HIẾU
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán Kiểm toán
- Số cổ phần nắm giữ : 45.000 cổ phiếu phổ thông GIL - chiếm tỷ lệ 0,33% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

### **2.2. Những thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc : Không có**

### **2.3. Số lượng CBCNV kể cả Công ty hợp nhất trong Báo cáo tài chính năm 2014 : 2.737 người**

### **2.4. Các chính sách của Công ty đối với người lao động : Thực hiện đầy đủ các chính sách theo Luật định đối với người lao động, ngoài ra Công ty còn:**

- Hỗ trợ chi phí cho lao động nữ có con ở lứa tuổi gửi trẻ, mẫu giáo, lao động nữ có con nhỏ dưới 12 tháng tuổi
- Thực hiện chế độ nghỉ mát hàng năm cho người lao động
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, đảm bảo an toàn lao động trong sản xuất.
- Mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể người lao động
- Thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động
- Cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tạo không khí thoáng mát, môi trường làm việc tốt cho công nhân sản xuất như : chỉnh trang lại các xưởng may, lắp hệ thống làm mát trong xưởng
- Tổ chức các hoạt động vui chơi, thể thao nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân
- Phát động các phong trào thi đua thúc đẩy tăng năng suất, nâng cao thu nhập cho người lao động cao hơn so với năm 2013

**Những thay đổi trong chính sách đối với người lao động:** Đã điều chỉnh tăng lương tối thiểu phù hợp với quy định của Nhà nước.

### 3. ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 của Dự án Kim loại – xây dựng Nhà máy sản xuất sản phẩm kim loại tại Cụm công nghiệp - Tiểu Thủ Công Nghiệp Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu trên phần đất sẵn có của Công ty với giá trị đầu tư là 14 tỷ đồng và đã đưa vào hoạt động từ tháng 12/2014 để phát triển sản phẩm kim loại cho khách hàng

### 4. TÀI CHÍNH

#### 4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	966.311.852.898	931.462.547.948	-4%
Doanh thu thuần	892.679.399.727	1.108.271.109.436	24%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.252.473.496	67.237.055.100	975%
Lợi nhuận khác	84.530.520.034	(1.009.625.365)	-101%
Lợi nhuận trước thuế	90.782.993.530	66.227.429.735	-27%
Lợi nhuận sau thuế	66.510.347.484	51.871.075.010	-22%

#### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2013	2014	% Tăng/Giảm
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,3	1,38	6%
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	0,92	0,90	- 2%
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,63	0,59	- 6%
- Hệ số Nợ/ Vốn Chủ sở hữu	1,77	1,46	-18%
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	3,34	4,31	29%
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,92	1,19	29%
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,07	0,05	-29%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,19	0,14	-26%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,07	0,06	-14%

## 5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### 5.1. Cổ phần

Số cổ phần đang lưu hành	:	13.682.588 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	:	242.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	:	13.682.588 cổ phiếu
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	:	0 cổ phiếu

### 5.2. Cơ cấu cổ đông của Gilimex tại thời điểm 06/03/2015

STT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	SỐ CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT	TỶ LỆ SỞ HỮU/SLCP CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT
1	Tổ chức trong nước	6.924.578	6.682.578	48,84%
2	Cá nhân trong nước đã lưu ký	5.231.497	5.231.497	38,23%
3	Cá nhân trong nước chưa lưu ký	42.377	42.377	0,31%
4	Tổ chức nước ngoài	1.460.559	1.460.559	10,68%
5	Cá nhân nước ngoài	265.577	265.577	1,94%
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.924.588</b>	<b>13.682.588</b>	<b>100,00%</b>

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) tại thời điểm 06/03/2015

STT	HỌ TÊN	ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ	SỐ CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	Tầng 5, số 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.948.200	14,24%
2	Lê Hùng	334A Phan Văn Trị, P.11, Bình Thạnh	1.558.611	11,39%
3	Công ty cổ phần May Hàng Giá dụng GILIMEX-PPJ	Tầng 01, tòa nhà Gilimex số 24C Phan Đăng Lưu, P.6, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	1.500.000	10,96%
5	Công ty TNHH May Thạnh Mỹ	Áp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh BR-VT	827.050	6,04%
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp HCM	785.546	5,74%
7	PXP VIETNAM FUND LIMITED	6 th Fl. Opera View Building 161 Dong khoi st. District 1, Ho chi Minh city, Viet nam.	687.500	5,02%
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>7.306.907</b>	<b>53,39%</b>

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : Không thay đổi trong năm 2014

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ : Số lượng cổ phiếu quỹ đến 31/12/2014: 242.000 cổ phiếu

**5.5. Các giao dịch trong năm 2014**

- Từ ngày 28/05/2014 đến ngày 03/06/2014 : Mua 13.750 cổ phiếu quỹ của CBCNV nghỉ việc khi chưa hết thời hạn của Chương trình phát hành cổ phiếu cho nhân viên Công ty, với giá 10.000 đồng/cổ phiếu
- Từ ngày 11/08/2014 đến ngày 03/09/2014 : Mua 15.750 cổ phiếu quỹ của CBCNV nghỉ việc khi chưa hết thời hạn của Chương trình phát hành cổ phiếu cho nhân viên Công ty, với giá 10.000 đồng/cổ phiếu

**Chứng khoán khác** : Không có

### III. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2014

Thực hiện mục tiêu, chiến lược của Đại hội đồng cổ đông giao, năm 2014 và với tình hình đơn hàng thuận lợi, Công ty đã đầu tư tập trung cho ngành sản xuất hàng gia dụng để tăng công suất vận hành của các nhà máy như sau:

- Nhà máy Bình Thạnh : 27 chuyền / 25 chuyền Năm 2013: Tăng 2 chuyền
- Nhà máy Thạnh Mỹ : 15 chuyền/11 chuyền Năm 2013: Tăng 4 chuyền
- Nhà máy tại Huế : 10 chuyền / 8 chuyền Năm 2013: Tăng 2 chuyền  
(Sản xuất hàng may mặc – Bộ đồ thun Polo T-Shirt)

**Tổng cộng: 52 chuyền tăng 18% so với 44 chuyền của năm 2013.**

- Nhà máy Quảng Trị : Do hoạt động không hiệu quả trong những năm qua, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần may hàng Gia dụng GILIMEX – PPJ đã quyết định tạm ngưng hoạt động từ tháng 5/2014 để tái cơ cấu hoạt động của Công ty này và đã chuyển nhượng tài sản tại chi nhánh Nhà máy Quảng Trị và chi nhánh văn phòng Đà Nẵng vào tháng 12/2014
- Nhà máy sản xuất chao đèn: Tận dụng cơ sở vật chất cũ của Công ty để mở rộng ngành hàng cho Công ty, Hiện công suất của nhà máy đạt 4.000 sản phẩm chao đèn/ngày. Tuy nhiên, do là ngành hàng mới đối với công ty, nên bước đầu đi vào hoạt động chưa mang lại lợi nhuận, chủ yếu là đào tạo đầu tư nguồn nhân lực và xây dựng ngành hàng chiến lược mới cho Công ty
- Nhà máy kim loại: Sản xuất các sản phẩm kim loại phục vụ ngành sản xuất sản phẩm gia dụng của Công ty. Tuy mới đầu tư đi vào hoạt động, nhưng năm 2014, Công ty đã có lợi nhuận. Mục tiêu năm 2015, nhà máy kim loại sẽ đáp ứng 60% nhu cầu phụ kiện kim loại cho Công ty mẹ

#### Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Trong năm 2015, mặc dù tình hình sản xuất kinh doanh còn nhiều biến động và khó khăn, Công ty đã phân đầu tăng năng suất, giảm chi phí sản xuất, dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh khá quan, vượt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra

#### 2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

##### 2.1. Việc quản lý tài chính

- Thực hiện hệ thống quản lý tài chính kế toán chặt chẽ, minh bạch, tuân thủ đầy đủ quy định của Nhà nước về công tác kế toán tài chính, thuế doanh nghiệp
- Quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất kinh doanh, quản lý tốt việc tuân thủ định mức kỹ thuật, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, quy chế tài chính, quản lý và mua sắm tài sản của Công ty để đảm bảo hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

- Tập trung và nhạy bén trong việc sử dụng nguồn vốn của Công ty đúng mục đích, bảo toàn vốn và mang lại hiệu quả
- Khai thác một cách hiệu quả lợi thế tài chính từ nguồn ngoại tệ xuất khẩu góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

## **2.2. Tình hình tài sản**

- Trong năm 2014, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cao ốc văn phòng cho thuê tại 24C Phan Đăng Lưu, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cho Bên mua
- Hoàn tất việc chuyển nhượng nhà máy GILMEX-PPJ cho đối tác
- Tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng các bất động sản khác (không liên quan tới ngành Sản xuất kinh doanh chính của Công ty), nhằm tối ưu hoá sử dụng các tài sản của doanh nghiệp

## **3. CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ**

- Cơ cấu lại nhân sự, hoàn thiện sơ đồ tổ chức Công ty theo mô hình quản lý tập trung phù hợp với quy mô mở rộng sản xuất và đa dạng hóa sản phẩm của Công ty
- Quan tâm đến công tác tuyển dụng, đào tạo công nhân, thay đổi văn hóa và ý thức trong sản xuất để hướng tới cải tiến sản xuất theo hướng tinh gọn, hiệu quả và đặc biệt là thu hút nhân lực quản lý có kinh nghiệm về làm việc tại Công ty.
- Tích cực quan tâm công tác bảo vệ an ninh trật tự, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, tiết kiệm năng lượng, vệ sinh môi trường và chăm sóc y tế cho người lao động

### **Công tác thực hiện chế độ chính sách cho người lao động**

- Tập trung xây dựng, hoàn thiện các quy chế, chính sách lương, thưởng và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động
- Thường xuyên phát động các phong trào thi đua, tạo động lực thúc đẩy tăng năng suất, nâng cao thu nhập cho người lao động

#### 4. KẾ HOẠCH NĂM 2015

##### 4.1. Đầu tư phát triển năng lực sản xuất

Tiếp tục đầu tư phát triển sản xuất ngành hàng chính là hàng gia dụng (vải kết hợp với nhựa và vải kết hợp với kim loại) và hàng may mặc, trong năm 2015 Công ty sẽ tập trung đầu tư phát triển tăng số chuyền sản xuất so với hiện tại cụ thể như sau:

- Nhà máy Bình Thạnh : 28 chuyền /27 chuyền năm 2014; Tăng 1 chuyền
- Nhà máy Thạnh Mỹ : 16 chuyền /15 chuyền năm 2014 : Tăng 1 chuyền
- Đầu tư thêm nhà máy mới công suất ít nhất 16 chuyền ( ưu tiên vùng 3)
- Nhà máy Huế : 15 chuyền/10 chuyền 2014 : Tăng 5 chuyền
- Nhà máy sản xuất đèn : 3 chuyền trong 2015 / 2 chuyền năm 2014, doanh số xuất khẩu dự kiến khoảng 3 triệu USD/năm 2015
- Nhà máy sản xuất khung kim loại: Ngoài việc đáp ứng theo yêu cầu nguyên vật liệu phụ trợ kim loại cho ngành may hàng gia dụng của Công ty, giảm thiểu việc mua nguyên phụ liệu kim loại từ bên ngoài, Công ty dự kiến sẽ bắt đầu nhận đơn hàng sản xuất hàng xuất khẩu từ tháng 6 năm 2015. Tổng doanh số năm 2015 dự kiến đạt 2 triệu USD

##### 4.2. Doanh thu và Lợi nhuận dự kiến:

Doanh thu	:	1.220 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	:	55 tỷ đồng - 60 tỷ đồng

Trong đó:

Chỉ Tiêu	ĐVT	Nhà máy Blnh Thạnh/Thạnh Mỹ	Công ty thiết bị chiếu sáng Thái Bình Dương	Công ty Kim Khí Đại Tây Dương	Công ty UNIMEX Huế	Tổng cộng
Doanh Thu	VND	1.080.000.000.000	60.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	1.220.000.000.000
Lợi Nhuận Sau Thuế (tối đa theo ước tính)	VND	55.000.000.000	1.400.000.000	2.000.000.000	1.600.000.000	60.000.000.000
Tỷ Suất LNST/DT		5%	2,3%	5%	4 %	4,9%

##### 4.3. Biện pháp thực hiện

###### A/ Phát triển sản phẩm :

- Tập trung công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm, kịp thời nắm bắt thị hiếu của người tiêu dùng Châu Á , Châu Âu và Mỹ
- Cùng với khách hàng để đưa ra sản phẩm mới



### **B/ Quản lý chuỗi cung ứng:**

Tổ chức lại chuỗi cung ứng: Từ lựa chọn đơn hàng, Nhà cung cấp nguyên phụ liệu, đến công tác quản lý xuất - nhập - tồn kho

### **C/ Tổ chức quản lý sản xuất hiệu quả:**

- Sắp xếp lại các phòng ban và các chuyên sản xuất theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Cùng với IKEA làm LEAN cho các chuyên sản xuất của mã hàng có số lượng lớn, nếu thành công sẽ phát triển trong toàn Nhà máy
- Tập trung cải tiến kỹ thuật, giảm hao hụt định mức nguyên vật liệu, cải tiến quy trình sản xuất giúp tăng năng suất và chất lượng
- Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng chặt chẽ hơn từ Nhà cung cấp - Kho nguyên vật liệu – xưởng sản xuất – xưởng đóng gói – hoàn thành – giao hàng

## **IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2014**

### **1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Mặc dù môi trường kinh doanh năm 2014 còn nhiều khó khăn, Công ty đã tập trung nguồn lực vào ngành hàng chính, phát triển sản phẩm mới, chủ động tìm đơn hàng, nguồn hàng để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của Công ty trong những năm sắp tới. Công tác quản lý điều hành doanh nghiệp chặt chẽ, hiệu quả, vốn được bảo toàn và phát triển.

### **2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

Hiện có hai trong số bảy thành viên của Hội đồng quản trị tham gia điều hành trong Công ty, vì vậy việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên khác được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý, cụ thể :

- Hàng quý, Ban giám đốc đều có báo cáo để Hội đồng quản trị nắm rõ diễn biến các hoạt động của Công ty và kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết
- Tham gia họp với Ban giám đốc và các đối tác có liên quan khi có các vấn đề quan trọng trong kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác

#### **Về quản lý sản xuất kinh doanh**

- Ban Giám đốc kịp thời thông tin báo cáo và điều hành Công ty phù hợp với tình hình thực tế của thị trường và yêu cầu của Hội đồng quản trị. Ban Giám đốc đã rất nỗ lực, luôn năng động, sáng tạo và cải tiến trong quản lý, lãnh đạo Công ty đi đúng hướng cũng như đưa ra những giải pháp phù hợp và kịp thời nhằm đưa công ty vượt qua những khó khăn thách thức của thị trường, khai thác hiệu quả các nguồn lực của Công ty, tích cực mở rộng quan hệ đối tác đảm bảo sự phát triển của Công ty
- Đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty có tầm nhìn, năng động, tư duy cải tiến trong sản xuất, nhanh nhạy trong việc nắm bắt và thích nghi với tình hình đầy biến động của thị trường trong quá trình điều hành Công ty

#### **Về quản lý tài chính**

- Tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, vốn được bảo toàn và phát triển, đảm bảo lợi ích hài hòa của cổ đông và người lao động. Mọi hoạt động đều được kiểm tra và giám sát bởi Ban Kiểm soát và kiểm soát nội bộ Công ty
- Công tác thông tin, báo cáo kịp thời, quyết toán đúng theo quy định, đảm bảo cho việc điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty

### **3. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT**

Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị cho sản xuất hàng gia dụng, hàng may mặc

**Nhà máy Bình Thạnh và Thạnh Mỹ:** Tập trung vào lĩnh vực hàng gia dụng, trong đó Nhà máy Bình Thạnh sẽ tập trung những mặt hàng có giá trị cao và là Trung tâm nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

**Nhà máy Huế:** Đồng hành cùng với khách hàng về kỹ thuật sản xuất, công nghệ sản xuất, quản lý sản xuất, quản lý đơn hàng để sản xuất hàng dệt kim xuất khẩu cho thị trường Nhật, Mỹ và Châu Âu

**Công ty cổ phần Sản xuất Kinh doanh Kim khí Đại Tây Dương :** Sản xuất các sản phẩm kim loại phục vụ cho ngành hàng gia dụng của GILIMEX

**Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thiết bị Chiếu sáng Thái Bình Dương:** Trở thành một trong những Công ty sản xuất đèn gia dụng, phục vụ cho xuất khẩu thị trường Châu Âu và Mỹ

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản Trị

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Trình độ chuyên môn	Chức vụ tại công ty	Số cổ phiếu có quyền biểu quyết sở hữu đến ngày 06/3/2015	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Lê Hùng	Cử nhân QTKD	Chủ tịch HĐQT Tổng Giám đốc Người CBTT	1.558.611	11,39%	Thành viên điều hành
	Cty TNHH MTV Bất động sản Gia Định		Chủ tịch Công ty	629.940	4,60%	
	Cty TNHH May Thạnh Mỹ		Chủ tịch Công ty	827.050	6,04%	
	Cty Cổ phần May hàng gia dụng GILIMEX-PPJ		Chủ tịch HĐQT	1.500.000	10,96%	
	Cty cổ phần xuất nhập khẩu và Đầu tư Thừa Thiên Huế		Chủ tịch HĐQT	300.000	2,19%	
2	Nguyễn Mạnh Hùng	Cử nhân Luật	Thành viên HĐQT	2.500	0,02%	Thành viên không điều hành
3	Nguyễn Việt Cường	Cử nhân kinh tế, chuyên viên kế toán, kiểm toán quốc tế	Thành viên HĐQT Giám đốc điều hành khối Đền và Kim loại	82.500	0,60%	Thành viên điều hành
	Cty cổ phần SXKD Thiết bị chiếu sáng Thái Bình Dương		Chủ tịch HĐQT			
	Công ty cổ phần SXKD Kim Khí Đại Tây Dương		Chủ tịch HĐQT			
4	Nguyễn Văn Luân	Cử nhân	Thành viên HĐQT	5.000	0,04%	Thành viên độc lập không điều hành
	Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy Dương		Chủ tịch HĐQT			
	Công ty CP Sản xuất và Thương mại Dài Loan		Chủ tịch HĐQT			

	Công ty CP Xây dựng và TM Thủy Dương		Chủ tịch HĐQT			
5	Lê Trung Hải	Kỹ sư công nghệ dệt	Thành viên HĐQT	0		Thành viên độc lập không điều hành
6	Nguyễn Hoài Nam	Cử nhân kinh tế Thạc sỹ QTKD	Thành viên HĐQT	5.000	0,04%	Thành viên độc lập không điều hành
7	Lê Thị Lệ Hằng	Thạc Sĩ Tài chính	Thành viên HĐQT	5.000	0,04%	Thành viên không điều hành
	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)		Tổng Giám Đốc	1.948.200	14,24%	
	Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung ương		Phó chủ tịch HĐQT			
	Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình		Ủy viên HĐQT			
	Công ty cổ phần chế biến hàng xuất khẩu Long An (Lafooco)		Ủy viên HĐQT			
	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển công nghệ Điện tử - Viễn thông		Ủy viên HĐQT			

## 1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- Tiểu ban chiến lược sản xuất : Ông. Lê Hùng – Trưởng tiểu ban kinh doanh và tái cấu trúc doanh nghiệp
- Tiểu ban tài chính : Ông. Nguyễn Hoài Nam – Trưởng tiểu ban
- Tiểu ban pháp lý : Ông. Nguyễn Mạnh Hùng – Trưởng tiểu ban
- Tiểu ban Bất động sản : Ông. Nguyễn Văn Luân – Trưởng tiểu ban
- Tiểu ban quan hệ nhà đầu tư : Ông. Nguyễn Việt Cường - Trưởng tiểu ban

## 1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2014, Hội đồng Quản trị đã tiến hành 09 (chín) cuộc họp và quyết định phê duyệt các vấn đề sau:

- Phê duyệt Báo cáo tài chính Quý 4.2013
- Phê duyệt triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014
  - ✓ Thông qua các báo cáo hoạt động SXKD năm 2013 của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và báo cáo Ban Kiểm soát năm 2013
  - ✓ Thông qua báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 đã kiểm toán.
  - ✓ Thông qua phương án chia cổ tức bổ sung năm 2013 và cổ tức cho năm 2014
  - ✓ Thông qua kế hoạch SXKD năm 2014
  - ✓ Thông qua Ngân sách đầu tư cho năm 2014

- ✓ Thông qua việc thay đổi điểm trụ sở chính của Công ty
- ✓ Thông qua việc chủ tịch HĐQT đồng thời là Tổng Giám đốc Cty
- ✓ Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm 2014
- ✓ Thông qua thù lao, chi phí HĐQT, BKS năm 2014

- Phê duyệt Báo cáo tài chính Quý 1.2014
- Mua lại 13.750 cổ phiếu ESOP của CBCNV nghỉ việc làm cổ phiếu quỹ
- Chi trả cổ tức bổ sung năm 2013 bằng tiền (10%) và triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 02/08/2014
- Thay đổi ngày Đại hội đồng cổ đông bất thường là ngày 14/08/2014
- Phê duyệt Báo cáo tài chính Quý 2.2014
- Mua lại 15.750 cổ phiếu ESOP của CBCNV nghỉ việc làm cổ phiếu quỹ
- Phê duyệt Báo cáo tài chính Quý 3.2014
- Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để phê duyệt phương án trả cổ tức bằng tiền tỷ lệ 20%/mệnh giá cho phần còn lại của năm 2013 và năm 2014 là 80%/mệnh giá

#### **1.4. Hoạt động của các thành viên hội đồng Quản trị độc lập không điều hành**

Cùng với Hội đồng Quản trị tham gia hoạch định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh cho Công ty. Đồng thời, đóng góp ý kiến, đưa ra những giải pháp thực thi hiệu quả, tư vấn cho Công ty về mặt pháp lý, tài chính, hỗ trợ về kỹ thuật, cải tiến chuyên sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm, phát triển ngành hàng mới của Công ty

#### **1.5. Hoạt động các tiểu ban trong Hội đồng Quản trị**

**Tiểu ban chiến lược SXKD và tái cấu trúc doanh nghiệp:**

- Tiểu ban chiến lược đã cùng với Tổng Giám đốc hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty 2015 - 2017, tiếp tục hoàn thiện, sắp xếp bộ máy tổ chức quản lý công ty và các Công ty con theo cơ cấu tổ chức đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản Trị thông qua theo hướng quản lý tập trung, tinh gọn và hiệu quả, chú trọng vào các hoạt động sản xuất, quản lý tài chính, đầu tư máy móc thiết bị và chỉnh trang lại các nhà máy nhằm gia tăng năng lực sản xuất
- Cùng với Tổng Giám đốc, thường xuyên xem xét, triển khai các giải pháp giải quyết hàng tồn kho, đa dạng hóa ngành hàng và khách hàng, quản lý và tiết kiệm chi phí, đảm bảo cho hoạt động sản xuất được liên tục và tăng thu nhập cho người lao động thông qua việc hoàn thiện lại hệ thống quản lý chất lượng, chuẩn hóa các quy trình trong hệ thống, tăng cường kiểm soát nội bộ, giảm thời gian tồn kho của hàng hóa để gia tăng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tiếp tục hoàn thiện những Quy định, Quy chế và Hệ thống quy chuẩn – chất lượng.
- Ban hành các chính sách ưu đãi trong tuyển dụng, ổn định và thu hút nguồn nhân lực, cải tiến hệ thống lương, thưởng để tạo động lực thúc đẩy tăng năng suất trong sản xuất
- Khen thưởng cho những tập thể và cá nhân lao động xuất sắc, giỏi

**Tiểu ban tài chính:** Tiểu ban tài chính đã cùng với Tổng Giám đốc :

- Thực hiện kế hoạch vốn và nguồn vốn đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn vốn trong hoạt động tài chính
- Triển khai công tác kiểm tra, kiểm soát và giám sát hoạt động tài chính, giám sát giá trị lượng hàng tồn kho để có những giải pháp kịp thời, ổn định tình hình tài chính doanh nghiệp
- Đánh giá định kỳ tình hình thực hiện các dự án đầu tư, hiệu quả đầu tư để có những quyết định phù hợp nhằm đảm bảo hiệu quả của vốn đầu tư
- Công tác kế toán tài chính đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định của Nhà nước và Điều lệ Công ty

**Tiểu ban khai thác và phát triển bất động sản:**

- Tiếp tục các công việc về xúc tiến các thủ tục pháp lý và tìm đối tác cho việc thực hiện chủ trương hợp tác các dự án bất động sản đối với những mặt bằng hiện có của Công ty, chỉnh trang lại các địa điểm kinh doanh và nhà máy sản xuất của Công ty
- Chủ động tiếp xúc, hợp tác với các đối tác có tiềm năng để mở ra cơ hội đầu tư kinh doanh các dự án mới cho Công ty

**Tiểu ban Quan hệ nhà đầu tư:**

Tiểu ban đã chủ động gặp gỡ, tiếp xúc, giải đáp kịp thời mọi thắc mắc, khiếu nại của các nhà đầu tư, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời và chính xác cho các cổ đông cũng như các quy định về công bố thông tin của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh

## **2. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**

### **2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát**

<b>STT</b>	<b>Tên cá nhân</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Chức vụ tại công ty</b>	<b>Số cổ phiếu sở hữu đến ngày 06/03/2015</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Võ Văn Hào	Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng	Trưởng Ban Kiểm Soát			Đã từ nhiệm từ ngày 7/5/2014
2	Đào Sỹ Trung	Cử nhân QTKD	Thành viên BKS	5.006	0,04%	
3	Nguyễn Đức Minh	Cử nhân tài chính	Thành viên BKS	0	0	

### **2.2. Hoạt động của Ban Kiểm Soát**

#### **2.2.1. Tình hình hoạt động 2014**

- Kiểm tra tính tuân thủ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị công ty
- Ban Kiểm soát cử đại diện tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị
- Kiểm tra tính hợp pháp, tính trung thực và cần trọng trong tổ chức công tác kế toán và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính các quý và báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán AASCS
- Trong năm 2014, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với hoạt động của công ty.

#### **2.2.2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty**

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2014 đã vượt kế hoạch đại hội cổ đông đặt ra. Cụ thể, doanh thu hợp nhất đạt 1.108,26 tỷ đồng, vượt kế hoạch do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đặt ra là 900 – 1.000 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 51,87 tỷ đồng, cao hơn kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đặt ra từ 35 – 45 tỷ đồng.
- Trong năm 2014, Ban Tài chính Kế toán chấp hành các quy định của Nhà nước, báo cáo tài chính được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập đã phản ánh trung thực, hợp lý với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Số liệu về kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của công ty tại ngày 31/12/2014 như sau:



<b>Chi tiêu (Triệu VN)</b>	<b>1/1/2014</b>	<b>31/12/2014</b>
<b>- Tổng tài sản</b>	<b>966.311</b>	<b>931.462</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Tài sản ngắn hạn	594.779	727.619
- Tài sản dài hạn	371.532	203.843
<b>- Tổng Nguồn vốn</b>	<b>966.311</b>	<b>931.462</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Nợ phải trả	604.324	552.663
- Nợ ngắn hạn	456.561	526.932
- Nợ dài hạn	147.763	25.731
- Vốn chủ sở hữu	361.987	378.799

- Thực hiện mua cổ phiếu quỹ theo đúng quy định của pháp luật.
- Đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành.
- Công tác lập báo cáo tài chính đã dần được cải thiện, đáp ứng theo quy định công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### **2.2.3. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban Giám đốc và Bộ máy quản lý**

- Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được triệu tập và tổ chức đúng quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia hoặc ủy quyền tham dự đầy đủ và đúng luật.
- Trong năm qua, hoạt động lãnh đạo và giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc là tuân thủ theo Điều lệ Công ty và pháp luật của Nhà nước trong quá trình thực thi chương trình của Nghị quyết ĐHĐCĐ và kế hoạch năm 2014
- Hệ thống kiểm soát của Công ty đang dần được củng cố, các quy trình, quy chế của các phòng ban đang được hoàn thiện.
- Ban kiểm soát chưa nhận được sự thắc mắc hay khiếu nại của cổ đông liên quan đến trách nhiệm của HĐQT, Ban TGD đối với quyền lợi của cổ đông

### **2.2.4. Báo cáo đánh giá sự phối hợp giữa Ban Kiểm Soát với Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc**

- Trong năm 2014, Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ thông tin về các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.
- Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều có sự tham gia của Ban Kiểm soát. Tài liệu họp và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị được cung cấp kịp thời, đầy đủ cho Ban Kiểm soát theo đúng quy định.

### **2.3. Kêt luận và kiến nghị của Ban Kiểm soát**

Trong năm 2014, nhìn chung Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã thực thi nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao phó theo quy định của pháp luật.

Trong năm tới, hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn còn nhiều khó khăn, đề tăng cường và phát huy hiệu quả, Ban kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị và an điều hành như sau:

- Đẩy mạnh triển khai các bước chiến lược phát triển nhằm giảm rủi ro và tăng hiệu quả hoạt động của công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện và xây dựng các quy chế, quy trình hoạt động và phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát của Công ty nhằm tăng hiệu quả quản lý, giám sát và tối ưu hóa nguồn lực của các thành viên.
- Thực hiện công tác kế toán quản trị để phục vụ việc phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và đội ngũ nhân sự.
- Tiếp tục phát huy công tác tài chính để đáp ứng đủ nguồn vốn cho công tác đầu tư của Công ty trong thời gian tới.
- Tăng cường việc quy hoạch đội ngũ cán bộ nhằm đào tạo tuyển dụng nguồn nhân lực có chất lượng cao và khai thác hiệu quả đội ngũ hiện có để phục vụ kịp thời cho chiến lược tăng tốc phát triển của Công ty.

### **3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

#### **3.1. Lương, thưởng, thù lao**

Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện theo đúng Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014

#### **Mức thu nhập Hội đồng Quản Trị và Tổng Giám đốc**

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù Lao	Tổng cộng
01	Lê Hùng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	97,5%	-	2,5%	100%
02	Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	-	-	100%	100%
03	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	-	-	100%	100%
04	Nguyễn Văn Luân	Thành viên HĐQT	-	-	100%	100%
05	Lê Trung Hải	Thành viên HĐQT	-	-	100%	100%
06	Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT	96,9%	-	3,1%	100%
07	Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên HĐQT	-	-	100%	100%

#### **Mức thù lao của Ban Kiểm soát**

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù Lao	Tổng cộng
01	Võ Văn Hào	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-	100%	100%
02	Đào Sỹ Trung	Thành viên BKS	-	-	100%	100%
03	Nguyễn Đức Minh	Thành viên BKS	-	-	100%	100%

### 3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2014

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Cty Cp SXKD XNK Bình Thạnh	Giao dịch Cổ phiếu quỹ	212.500	1,53%	242.000	1,74%	Mua cp quỹ từ CBCNV nghỉ việc theo quy chế ESOP
02	Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT	80.450	0,58%	82.500	0,60%	Năng tỷ lệ sở hữu
03	Đào Thúy Duyên	Mẹ của Thành viên HĐQT - Nguyễn Việt Cường	600.000	4,38%	400.000	2,92%	Cơ cấu danh mục đầu tư
04	Đào Sỹ Trung	Thành viên Ban Kiểm soát	18.286	0,13%	5.006	0,04%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân
05	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	652.402	4,76%	2.500	0,02%	Chuyển tài sản sang Cty cá nhân để tiện quản lý

### 3.3. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn trong năm 2014

Stt	Người thực hiện giao dịch	Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu trước khi giao dịch		Số cổ phiếu sở hữu sau khi giao dịch		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Cty TNHH NDH Việt Nam	19/09/2014	1.019.650	7,66%	398.300	2,91%	Cơ cấu danh mục đầu tư
02	Cty cổ phần XNK Thủy sản Bến Tre	29/09/2014	650.000	4,75%	1.048.300	7,66%	
03	Cty cổ phần XNK Thủy sản Bến Tre	22-29/12/2014	1.048.300	7,66%	650.000	4,75%	

### 3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty đã thực hiện theo đúng các quy định về quản trị Công ty

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2014

- BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
- BÁO CÁO KIỂM TOÁN
- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2015*

Đại diện pháp luật của Công ty

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**LÊ HÙNG**



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM**  
**SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH  
XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH**

*Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014  
đã được kiểm toán*

## **MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	3 - 5
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	6 - 7
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	8 - 11
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	12 - 12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	13 - 14
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	15 - 40

3305  
C  
TRÁCH N  
DỊCH W  
I CHÍN  
VÀ KIL  
PHIA  
- TP

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### Công ty

Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1982 trực thuộc UBND TP. HCM thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành ngày 24/11/2000 về việc chuyển Công Ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh thành Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh.

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000253 cấp ngày 29/12/2000 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 số 0302181666 ngày 19/09/2014 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 139.245.880.000 VND.

Vốn góp của Công ty đến ngày 31/12/2014 là 139.245.880.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ 334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số các công ty con đầu tư trực tiếp: 05 công ty.

Tổng số các công ty con đầu tư trực tiếp được hợp nhất: 05 công ty.

Tổng số các công ty con đầu tư gián tiếp: 01 công ty.

Tổng số các công ty con đầu tư gián tiếp được hợp nhất: 01 công ty.

### Công ty con đầu tư trực tiếp được hợp nhất:

#### - Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ

+ Địa chỉ: Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

#### - Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định

+ Địa chỉ: 370 Bạch Đằng, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

#### - Công Ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ

+ Địa chỉ: 334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Trong năm 2014, Công Ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ (Công ty Gilimex-PPJ, công ty con) thực hiện mua lại toàn bộ phần vốn góp của Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Phong Phú (Công ty PPJ) (tỷ lệ sở hữu 36,17%) làm cổ phiếu quỹ. Đến ngày 31/12/2014, Công Ty Gilimex-PPJ đã bán cổ phiếu quỹ cho hai cổ đông mới (chiếm tỷ lệ 7% vốn chủ sở hữu) và đang hạch toán vào tài khoản nợ phải thu trên Báo cáo tài chính. Vì vậy, Báo cáo hợp nhất của Công ty Gilimex hợp nhất Công ty con Gilimex-PPJ theo tỷ lệ sở hữu là 100%.

#### - Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Kim Khí Đại Tây Dương

+ Địa chỉ: Đường 25B, Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiên, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

#### - Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Thiết Bị Chiếu Sáng Thái Bình Dương

+ Địa chỉ: Cụm CN-TTCN Hắc Dịch, Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

011729  
CÔNG TY  
THÊM HỮU  
TỰ TƯ V  
H KẾ T  
M TOÁN  
NAM  
HỒ CH

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### Công ty con đầu tư gián tiếp được hợp nhất:

- Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư Thừa Thiên Huế

Được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300101484 đăng ký lần đầu ngày 15/10/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 04/04/2012 bởi Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Địa chỉ: 93 An Dương Vương, phường An Đông, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

+ Công Ty CP SXKD XNK Bình Thạnh (GILIMEX) có tỷ lệ sở hữu 100% trong Công ty CP May Hàng Gia Dụng Gilimex PPJ (GPPJ) (Công ty con). Công Ty GPPJ đầu tư vào Công ty CP XNK&ĐT Thừa Thiên Huế với tỷ lệ sở hữu là 62,2%.

+ Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của công ty mẹ: 62,20%

+ Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 62,20%

### Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 48.058.886.836 VND. (Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 53.579.491.920 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 là 129.505.117.356 VND (Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 là 91.964.934.490 VND).

### Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông :	Lê Hùng	Chủ tịch
Ông :	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông :	Nguyễn Văn Luân	Thành viên
Ông :	Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông :	Nguyễn Hoài Nam	Thành viên
Ông :	Lê Trung Hải	Thành viên
Bà :	Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông :	Lê Hùng	Tổng Giám đốc
-------	---------	---------------

Các thành viên Ban Kiểm soát

Ông :	Đào Sỹ Trung	Thành viên BKS
Ông :	Nguyễn Đức Minh	Thành viên BKS

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

### Cơ sở của Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX) và các Công ty con được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ với 05 (năm) Công ty con đầu tư trực tiếp và 01 (một) công ty con đầu tư gián tiếp do đó Báo cáo tài chính hợp nhất phải được đọc kèm với báo cáo tài chính riêng của công ty con.





## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX) phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

Tp.HCM, ngày 09 tháng 02 năm 2015

Thay mặt Hội đồng Quản trị  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lê Hùng

Tp.HCM, ngày 09 tháng 02 năm 2015

T.M. Ban Giám đốc  
Tổng Giám đốc

Lê Hùng



Số : ~~234~~/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2014**của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX)*

- Kính gửi:** - Các cổ đông Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX)  
- Hội đồng Quản trị Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX)  
- Ban Giám đốc Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - GILIMEX được lập ngày 09/02/2015, từ trang 7 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến ngoại trừ

Ngoài ra, tới thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận công nợ của khoản mục đầu tư dài hạn khác có giá trị là 4.741.578.152 đồng.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - GILIMEX tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2015  
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Tổng Giám đốc



*Đỗ Khắc Thanh*  
Đỗ Khắc Thanh

Số giấy CNĐKHN KTV: 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên

*Dương Thị Quỳnh Hoa*

Dương Thị Quỳnh Hoa

Số giấy CNĐKHN KTV: 0424-2013-142-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>727.619.494.355</b>	<b>594.779.375.933</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>266.707.060.586</b>	<b>103.911.179.864</b>
1. Tiền	111		25.037.060.586	27.161.179.864
2. Các khoản tương đương tiền	112		241.670.000.000	76.750.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>2</b>	<b>2.352.946.081</b>	<b>12.524.634.713</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.419.946.888	19.149.832.636
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(67.000.807)	(6.625.197.923)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>175.785.759.503</b>	<b>277.625.789.754</b>
1. Phải thu khách hàng	131		147.077.023.091	203.259.998.170
2. Trả trước cho người bán	132		13.624.675.373	58.915.405.575
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	3	19.032.172.832	17.576.017.428
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(3.948.111.793)	(2.125.631.419)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4</b>	<b>253.296.751.956</b>	<b>176.038.192.365</b>
1. Hàng tồn kho	141		253.296.751.956	176.038.192.365
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>29.476.976.229</b>	<b>24.679.579.237</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.309.625.988	832.342.408
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		24.805.554.340	21.548.116.194
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	5	1.367.855.605	274.954.381
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6	1.993.940.296	2.024.166.254
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>203.843.053.593</b>	<b>371.532.476.965</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>157.573.224.513</b>	<b>176.556.493.576</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	126.324.663.892	126.495.684.334
- Nguyên giá	222		187.500.706.784	191.416.962.016
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(61.176.042.892)	(64.921.277.682)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	14.498.653.609	14.632.437.895
- Nguyên giá	228		15.264.688.376	15.158.488.376
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(766.034.767)	(526.050.481)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	16.749.907.012	35.428.371.347
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>10</b>	<b>-</b>	<b>122.424.343.242</b>
- Nguyên giá	241		-	134.550.429.499
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	(12.126.086.257)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>13.177.578.152</b>	<b>28.534.972.152</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11.1	-	10.677.394.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	11.2	13.177.578.152	17.857.578.152
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>29.835.380.096</b>	<b>40.790.615.061</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	29.350.913.554	40.077.711.209
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	329.302.422	396.437.052
3. Tài sản dài hạn khác	268		155.164.120	316.466.800
<b>IV. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>3.256.870.832</b>	<b>3.226.052.934</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>931.462.547.948</b>	<b>966.311.852.898</b>

01172  
CÔNG TY  
HỆM HỮU  
U TƯ  
KẾ  
M TOÁN  
NAM  
HỒ C

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>552.662.974.985</b>	<b>604.323.704.153</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>526.932.362.950</b>	<b>456.560.612.412</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	372.553.078.905	319.247.625.658
2. Phải trả người bán	312		90.453.037.370	51.129.699.796
3. Người mua trả tiền trước	313		510.357.550	3.743.007.782
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	10.481.892.252	32.449.843.475
5. Phải trả công nhân viên	315		33.907.565.943	27.614.431.981
6. Chi phí phải trả	316	16	1.590.495.006	1.239.395.376
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	17.871.774.149	21.572.446.569
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành	323	20.5	(435.838.225)	(435.838.225)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>25.730.612.035</b>	<b>147.763.091.741</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		2.548.881.840	1.889.976.841
4. Vay và nợ dài hạn	334	18	19.289.696.500	19.977.196.500
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	19	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	17	3.892.033.695	125.895.918.400
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>	<b>20</b>	<b>378.572.455.672</b>	<b>341.327.272.806</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>378.572.455.672</b>	<b>341.327.272.806</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		139.245.880.000	139.245.880.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		171.657.714.793	171.657.714.793
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(107.429.765.077)	(107.134.765.077)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		35.483.599.600	35.483.599.600
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.109.909.000	10.109.909.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		129.505.117.356	91.964.934.490
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2014	01/01/2014
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>227.117.291</b>	<b>20.660.875.939</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439) 440</b>			<b>931.462.547.948</b>	<b>966.311.852.898</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
		31/12/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		983.646,95	913.110,95
- EUR		4,87	4,87
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 09 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu



Dương Ngọc Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh Hiếu

Tổng Giám đốc



Lê Hùng

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	1.108.271.109.436	892.754.842.227
2. Các khoản giảm trừ doanh thu			75.442.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.108.271.109.436	892.679.399.727
4. Giá vốn hàng bán	22	925.009.572.835	772.157.952.327
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		183.261.536.601	120.521.447.400
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	8.791.916.869	8.484.106.592
7. Chi phí tài chính	23	25.159.649.953	26.901.816.634
+ Trong đó: chi phí lãi vay		20.757.028.071	24.729.527.859
8. Chi phí bán hàng		22.092.158.417	15.722.423.056
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		77.564.590.000	80.128.840.807
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		67.237.055.100	6.252.473.496
11. Thu nhập khác	21.3	36.358.671.725	148.141.531.812
12. Chi phí khác	24	37.368.297.090	63.611.011.778
13. Lợi nhuận khác		(1.009.625.365)	84.530.520.034
14. Phần lỗ trong công ty liên kết		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		66.227.429.735	90.782.993.530
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	18.101.408.268	36.082.920.998
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	26	67.134.631	1.120.580.611
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		48.058.886.836	53.579.491.920
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		(3.812.188.174)	(12.930.855.564)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		51.871.075.010	66.510.347.484
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	4.927	6.120

Lập ngày 09 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu



Dương Ngọc Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh Hiếu

Tổng Giám đốc



Lê Hùng



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>66.227.429.735</b>	<b>90.782.993.530</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>58.056.345.491</b>	<b>52.559.660.857</b>
- Khấu hao tài sản cố định		17.208.564.767	23.339.031.165
- Các khoản dự phòng		(18.703.130.908)	(6.704.239.867)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		87.635.317	1.227.687.191
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		38.706.248.244	9.967.654.509
- Chi phí lãi vay		20.757.028.071	24.729.527.859
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>124.283.775.226</b>	<b>143.342.654.386</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		165.772.508.553	(187.403.465.845)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho		(77.258.559.592)	110.830.975.583
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(47.714.689.970)	(69.119.355.869)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		10.148.417.639	(2.592.153.602)
- Tiền lãi vay đã trả		(20.837.605.468)	(24.885.291.489)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(39.869.568.066)	(19.688.971.147)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		600.000.000	2.020.382.683
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(513.000.222)	(4.526.235.012)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>114.611.278.100</b>	<b>(52.021.460.312)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(28.413.069.562)	(57.628.312.774)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		2.869.220.153	58.809.495.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(332.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		12.361.659.743	446.243.230.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác chia		3.416.145.523	6.993.657.175
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(9.766.044.143)</b>	<b>122.418.069.856</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(295.000.000)	(1.975.000.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		759.688.359.778	645.559.845.184
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(691.187.744.309)	(791.547.185.497)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.153.764.598)	(21.209.647.650)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>58.051.850.871</b>	<b>(169.171.987.963)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>162.897.084.828</b>	<b>(98.775.378.419)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>103.911.179.864</b>	<b>202.754.163.890</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(101.204.106)	(67.605.607)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>266.707.060.586</b>	<b>103.911.179.864</b>

Lập ngày 09 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu



Dương Ngọc Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh Hiếu

Tổng Giám đốc



Lê Hùng

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

## Năm 2014

### I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1982 trực thuộc UBND TP. HCM thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành ngày 24/11/2000 về việc chuyển Công Ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh thành Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000253 ngày 29/12/2000 và thay đổi lần thứ mười bốn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302181666 ngày 26/09/2012 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 139.245.880.000 VND.

Vốn góp của Công ty đến ngày 31/12/2014 là 139.245.880.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ 334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số các công ty con đầu tư trực tiếp: 05 công ty.

Tổng số các công ty con đầu tư trực tiếp được hợp nhất: 05 công ty.

Tổng số các công ty con đầu tư gián tiếp: 01 công ty.

Tổng số các công ty con đầu tư gián tiếp được hợp nhất: 01 công ty.

**Công ty con đầu tư trực tiếp được hợp nhất:**

- Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ

+ Địa chỉ: Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định

+ Địa chỉ: 370 Bạch Đằng, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- Công Ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ

+ Địa chỉ: 334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Trong năm 2014, Công Ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ (Công ty Gilimex-PPJ, công ty con) thực hiện mua lại toàn bộ phần vốn góp của Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Phong Phú (Công ty PPJ) (tỷ lệ sở hữu 36,17%) làm cổ phiếu quỹ. Đến ngày 31/12/2014, Công Ty Gilimex-PPJ đã bán cổ phiếu quỹ cho hai cổ đông mới (chiếm tỷ lệ 7% vốn chủ sở hữu) và đang hạch toán vào tài khoản nợ phải thu trên Báo cáo tài chính. Vì vậy, Báo cáo hợp nhất của Công ty Gilimex hợp nhất Công ty con Gilimex-PPJ theo tỷ lệ sở hữu là 100%.

- Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Kim Khí Đại Tây Dương

+ Địa chỉ: Đường 25B, Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiên, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

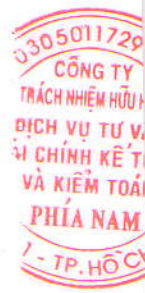
+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Thiết Bị Chiếu Sáng Thái Bình Dương

+ Địa chỉ: Cụm CN-TTCN Hắc Dịch, Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%



# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

## Công ty con đầu tư gián tiếp được hợp nhất:

- Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư Thừa Thiên Huế

Được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300101484 đăng ký lần đầu ngày 15/10/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 04/04/2012 bởi Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Địa chỉ: 93 An Dương Vương, phường An Đông, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

+ Công Ty CP SXKD XNK Bình Thạnh (GILIMEX) có tỷ lệ sở hữu 100% trong Công ty CP May Hàng Gia Dụng Gilimex PPJ (GPPJ) (Công ty con). Công Ty GPPJ đầu tư vào Công ty CP XNK&ĐT Thừa Thiên Huế với tỷ lệ sở hữu là 62,20%.

+ Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của công ty mẹ: 62,20%

+ Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 62,20%

## 2. Lĩnh vực kinh doanh

- Thương mại; dịch vụ; sản xuất công nghiệp.

## 3. Ngành nghề kinh doanh:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản, chi tiết: sản xuất, chế biến hàng thủy sản (không kinh doanh tại trụ sở);
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Chế biến và bảo quản rau quả, chi tiết: sản xuất, chế biến hàng nông lâm sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất, chế biến hàng da, cao su, thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng, các loại nguyên liệu và các sản phẩm khác (không hoạt động tại trụ sở), sản xuất, chế biến hàng thủ công mỹ nghệ, may mặc (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, tẩy, nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: xuất khẩu hàng nông lâm thủy hải sản, thủ công, mỹ nghệ, may mặc, hàng da, cao su, lương thực, thực phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng, các loại nguyên liệu và các sản phẩm khác. Nhập khẩu thiết bị máy móc, nguyên liệu, vật tư, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, kim khí điện máy, điện tử. Hợp tác đầu tư trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn;
- Hoạt động cấp tín dụng khác, chi tiết: dịch vụ cầm đồ;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: dịch vụ thương mại;
- Xây dựng nhà các loại, chi tiết: xây dựng;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng, chi tiết: trang trí nội thất;
- Chuẩn bị mặt bằng, chi tiết: san lấp mặt bằng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: kinh doanh địa ốc

## II Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

### 1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### 2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### 2.1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

#### 2.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

### 2.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

### 3. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 3.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

##### *Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền*

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

##### *Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác*

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Tỷ giá được Công ty sử dụng để đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ các khoản mục tiền tệ là tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày cuối năm tài chính do Ngân Hàng Nhà Nước công bố.

#### 3.2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 3.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

**3.3.1. Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

**3.3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### 3.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 07 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm

#### 3.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

**Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:**

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

### 3.6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

### 3.7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 3.8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 3.9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

### 3.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

501172  
CÔNG TY  
NHIỆM VỤ  
VỤ TƯ  
ÍNH KẾ  
KIỂM TO  
IA NAM  
TP. HỒ C

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### 3.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

### 3.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 3.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

### 3.14. Công cụ tài chính

#### 3.14.1. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;

- Các khoản cho vay và phải thu: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;

- Tài sản sẵn sàng để bán: là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

#### 3.14.2. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

**Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH):** Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**Bù trừ các công cụ tài chính:** Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

### III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: VND

#### 1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt	849.005.438	506.270.465
Tiền gửi ngân hàng	24.188.055.148	26.654.909.399
Tiền gửi VND	3.289.364.932	7.331.289.048
Tiền gửi ngoại tệ	20.898.690.216	19.323.620.351
Các khoản tương đương tiền (TGTK dưới 3 tháng)	241.670.000.000	76.750.000.000
Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Định	21.000.000.000	19.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	138.670.000.000	57.750.000.000
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Bến Thành	22.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công Thương VN -CN HCM	20.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công Thương VN -CN BSG	19.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Gia Định	21.000.000.000	-

#### Ghi chú:

- Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2014 khớp với biên bản kiểm kê thực tế
- Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/12/2014 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.

<b>Tổng cộng</b>	<b>266.707.060.586</b>	<b>103.911.179.864</b>
------------------	------------------------	------------------------

#### 2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND		01/01/2014 VND	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>2.1 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn</b>		<b>2.419.946.888</b>		<b>18.491.832.636</b>
+ CK đầu tư ngắn hạn (Trái phiếu)	-	-	-	-
+ CK đầu tư ngắn hạn (Cổ phiếu)	-	2.419.946.888	-	18.491.832.636
Cty CP Bệnh viện đa khoa tư nhân Triều An (TAH)	50.000	2.250.000.000	50.000	2.250.000.000
Cty CP Chế Biến Hàng Xuất Khẩu Long An (LAF)	11.880	169.656.888	1.109.890	15.656.370.136
Công Ty CP XNK và ĐT Thừa Thiên Huế	-	-	51.900	585.172.500
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCB)	132	290.000	132	290.000
<b>2.2 Đầu tư ngắn hạn khác (Tiền gửi có kỳ hạn)</b>			-	<b>658.000.000</b>
<b>2.3 Đầu tư ngắn hạn khác (Cho vay)</b>		-		-
<b>2.4 Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn (*)</b>		<b>(67.000.807)</b>		<b>(6.625.197.923)</b>
Cty CP Chế Biến Hàng Xuất Khẩu Long An		(67.000.807)		(6.625.197.923)
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.352.946.081</b>		<b>12.524.634.713</b>

#### Ghi chú:

Trong năm Công ty đã bán 1.098.010 cổ phiếu của Công Ty CP Chế Biến Hàng Xuất Khẩu Long An (mã LAF).

Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng cho cổ phiếu Công Ty CP BV Đa khoa Tư nhân Triều An do tại thời điểm này Công ty không thu thập được giá giao dịch của cổ phiếu này trên thị trường chứng khoán.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

### 3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
	<u>19.032.172.832</u>	<u>17.576.017.428</u>
1. Phải thu về cổ phần hóa	-	-
2. Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
3. Phải thu về lao động	-	-
4. Phải thu khác	19.032.172.832	17.576.017.428

Chi tiết số dư khoản mục phải thu khác tại ngày 31/12/2014 là:

Công Ty TNHH XD Việt Build	5.000.000.000
Ngân Hàng TMCP Quân Đội	254.368.333
Thuế nhập khẩu	928.057.836
Bảo hiểm xã hội (ốm đau, thai sản)	632.195.273
Công Ty CP Bất Động Sản Ấn Độ	3.900.000.000
Công Ty CP Xây Dựng & Phát Triển Ngôi Nhà Huế	6.653.894.000
Phải thu khác	1.663.657.390
<b>Tổng cộng</b>	<u><u>19.032.172.832</u></u>

### 4. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Giá gốc của hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi đường	333.983.981	287.510.000
- Nguyên liệu, vật liệu	103.501.793.227	103.409.401.304
- Công cụ, dụng cụ	9.853.404.930	9.420.203.452
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.042.986.271	19.530.129.118
- Thành phẩm	127.164.447.102	43.324.443.316
- Hàng hoá	1.345.709.719	11.808.000
- Hàng gửi đi bán	54.426.726	54.697.175
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
- Hàng hóa bất động sản	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<u><u>253.296.751.956</u></u>	<u><u>176.038.192.365</u></u>

### 5. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.302.334.499	158.781.872
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước:	65.521.106	116.172.509
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu	20.197.342	116.172.509
+ Thuế xuất, nhập khẩu	45.323.764	-
<b>Tổng cộng</b>	<u><u>1.367.855.605</u></u>	<u><u>274.954.381</u></u>

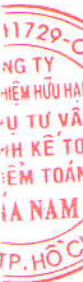
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

### 6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
- Tài sản thiếu chờ xử lý	70.689.805	11.582.379
- Tạm ứng	484.312.465	1.189.260.915
- Ký quỹ, ký cược	1.438.938.026	823.322.960
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.993.940.296</u></b>	<b><u>2.024.166.254</u></b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

### 7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

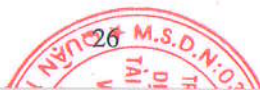
Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>95.361.135.641</b>	<b>80.744.946.584</b>	<b>12.190.560.136</b>	<b>2.498.035.652</b>	<b>622.284.003</b>	<b>191.416.962.016</b>
<b>2. Số tăng trong năm</b>	<b>42.910.345.274</b>	<b>2.283.316.000</b>	<b>2.205.416.364</b>	<b>113.405.000</b>	-	<b>47.512.482.638</b>
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong năm	3.067.873.987	2.232.356.000	1.435.416.364	113.405.000	-	6.849.051.351
- Đầu tư XDCN hoàn thành	39.842.471.287	50.960.000	770.000.000	-	-	40.663.431.287
- Tăng khác						-
<b>3. Số giảm trong năm</b>	<b>29.766.114.904</b>	<b>19.743.555.778</b>	<b>1.729.444.131</b>	<b>189.623.057</b>	-	<b>51.428.737.870</b>
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	29.554.175.609	18.219.623.413	1.729.444.131	189.623.057		49.692.866.210
- Giảm khác	211.939.295	1.523.932.365	-	-		1.735.871.660
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>108.505.366.011</b>	<b>63.284.706.806</b>	<b>12.666.532.369</b>	<b>2.421.817.595</b>	<b>622.284.003</b>	<b>187.500.706.784</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>26.959.284.935</b>	<b>30.546.403.715</b>	<b>5.608.109.409</b>	<b>1.754.927.842</b>	<b>52.551.781</b>	<b>64.921.277.682</b>
<b>2. Khấu hao trong năm</b>	<b>5.156.375.122</b>	<b>8.660.151.438</b>	<b>1.551.373.079</b>	<b>272.171.534</b>	<b>51.600.000</b>	<b>15.691.671.173</b>
<i>Bao gồm:</i>						
- Khấu hao tăng trong năm	5.156.375.122	8.660.151.438	1.551.373.079	272.171.534	51.600.000	15.691.671.173
- Tăng khác						-
<b>3. Giảm trong năm</b>	<b>9.096.798.137</b>	<b>8.951.154.731</b>	<b>1.249.564.258</b>	<b>139.388.836</b>	-	<b>19.436.905.963</b>
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	8.884.858.842	7.160.562.830	1.249.564.258	139.388.836	-	17.434.374.767
- Giảm khác	211.939.295	1.790.591.901	-	-	-	2.002.531.196
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>23.018.861.920</b>	<b>30.255.400.422</b>	<b>5.909.918.230</b>	<b>1.887.710.540</b>	<b>104.151.781</b>	<b>61.176.042.892</b>
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>						
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>68.401.850.706</b>	<b>50.198.542.869</b>	<b>6.582.450.727</b>	<b>743.107.810</b>	<b>569.732.222</b>	<b>126.495.684.334</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>85.486.504.091</b>	<b>33.029.306.384</b>	<b>6.756.614.139</b>	<b>534.107.055</b>	<b>518.132.222</b>	<b>126.324.663.892</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

### 8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>					
1. Số dư đầu năm	14.761.258.464	-	-	397.229.912	15.158.488.376
2. Số tăng trong năm	-	-	-	243.000.000	243.000.000
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong năm	-	-	-	243.000.000	243.000.000
- Tặng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	136.800.000	-	-	-	136.800.000
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	136.800.000	-	-	-	136.800.000
4. Số dư cuối năm	14.624.458.464	-	-	640.229.912	15.264.688.376
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
1. Số dư đầu năm	312.248.213	-	-	213.802.268	526.050.481
2. Khấu hao trong năm	190.465.638	-	-	102.350.906	292.816.544
<i>Bao gồm:</i>					
- Khấu hao tăng trong năm	190.465.638	-	-	102.350.906	292.816.544
- Tặng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	52.832.258	-	-	-	52.832.258
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý nhượng bán	52.832.258	-	-	-	52.832.258
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	449.881.593	-	-	316.153.174	766.034.767
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH</b>					
1. Tại ngày đầu năm	14.449.010.251	-	-	183.427.644	14.632.437.895
2. Tại ngày cuối năm	14.174.576.871	-	-	324.076.738	14.498.653.609



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### 9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
- Chi phí XD CB dở dang	15.836.903.572	35.382.451.347
<i>Trong đó: những công trình, hạng mục lớn</i>		
+ Công trình khu biệt thự Bình Quới, Thanh Đa	337.480.000	-
+ Công trình phường 28, quận Bình Thạnh	1.009.988.310	1.009.988.310
+ Công trình Phú Mỹ	6.343.359.939	26.343.359.939
+ Công trình MCN	132.269.356	-
+ Công trình nhà máy Quảng Trị	3.867.584.240	3.867.584.240
+ Công trình nhà máy Huế	-	212.698.720
+ Công trình Công Ty Thái Bình Dương	-	3.948.820.138
+ Công trình Công Ty Đại Tây Dương	4.146.221.727	-
- Mua sắm tài sản cố định	913.003.440	45.920.000
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.749.907.012</b>	<b>35.428.371.347</b>

### 10. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>I. Nguyên giá BĐS đầu tư</b>	<b>134.550.429.499</b>	-	<b>134.550.429.499</b>	-
1. Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
2. Nhà và cơ sở hạ tầng	134.550.429.499	-	134.550.429.499	-
3. Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>12.126.086.257</b>	<b>1.219.737.050</b>	<b>13.345.823.307</b>	-
1. Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
2. Nhà và cơ sở hạ tầng	12.126.086.257	1.219.737.050	13.345.823.307	-
3. Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
<b>III. Giá trị còn lại BĐS đầu tư</b>	<b>122.424.343.242</b>	<b>(1.219.737.050)</b>	<b>121.204.606.192</b>	-
1. Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
2. Nhà và cơ sở hạ tầng	122.424.343.242	(1.219.737.050)	121.204.606.192	-
3. Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-

0501  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
CHÍNH QUYỀN QUẢN LÝ KIỂM TOÁN  
PHÍA TP.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### 11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

#### 11.1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2014		01/01/2014	
	VND		VND	
	Số lượng	Trị giá	Số lượng	Trị giá
Công Ty TNHH Hương Xuân		-		600.000.000
Cty CP XD&PT Ngôi Nhà Huế	-	-	-	6.653.894.000
CTy CP Kỹ Nghệ Tp.Phú Yên (tỷ lệ sở hữu 21%)		-	342.350	3.423.500.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>-</b>		<b>10.077.394.000</b>

**Ghi chú:**

Phần giảm khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh ở Công Ty CP Kỹ Nghệ Thực Phẩm Phú Yên là do Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Phong Phú (PPJ) đã mua lại khoản đầu tư này theo Biên bản làm việc thống nhất phương án rút vốn của Công Ty PPJ tại Công Ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ (công ty con của Công ty Gilimex).

#### 11.2. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2014		01/01/2014	
	VND		VND	
	Số lượng	Trị giá	Số lượng	Trị giá
1. Đầu tư cổ phiếu	-	-	330.000	5.280.000.000
+ Công Ty Cp Dệt 29/3			330.000	5.280.000.000
2. Đầu tư trái phiếu		-		-
3. Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu		-		-
4. Cho vay dài hạn		-		-
5. Đầu tư dài hạn khác		13.177.578.152		12.577.578.152
- DA Phường 28, quận B.Thạnh, TP HCM		4.721.578.152		4.721.578.152
- Công Ty CP ĐTPT Phong Phú Lăng Cô		800.000.000		800.000.000
- Công Ty CP TMDV Thuận Phú		7.056.000.000		7.056.000.000
- Công Ty TNHH Hương Xuân		600.000.000		-
<b>Tổng cộng</b>		<b>13.177.578.152</b>		<b>17.857.578.152</b>

**Ghi chú:**

Khoản đầu tư vào cổ phiếu Công Ty CP Dệt 29/3 giảm đi là do Công Ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ (công ty con của Công ty Gilimex) đã bán cổ phiếu này trong năm 2014.

### 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
- Chi phí trả trước về đất dài hạn	12.839.071.320	13.137.654.372
- Lợi thế thương mại	9.664.003.206	11.113.657.688
- Chi phí cho giai đoạn triển khai	800.800.821	620.556.259
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;	3.752.484.741	14.595.229.186
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh một lần quá lớn	1.982.054.733	610.613.704
- Chi phí mua bảo hiểm	312.498.732	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>29.350.913.554</b>	<b>40.077.711.209</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### 13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	23.606.590	90.741.221
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	-	-
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(90.741.221)	(266.747.036)
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>329.302.422</b>	<b>396.437.052</b>

### 14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>14.1. Vay ngắn hạn</b>	<b>372.553.078.905</b>	<b>313.247.625.658</b>
- Vay ngân hàng	372.553.078.905	313.247.625.658
Ngân Hàng Đầu Tư & Phát Triển - CN Gia Định	65.534.076.289	32.484.717.625
Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Bắc Sài Gòn	184.046.659.796	244.829.401.526
Ngân hàng ANZ	38.494.869.768	35.933.506.507
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Bắc Sài Gòn	65.754.242.851	-
Ngân hàng HSBC VN	18.723.230.201	-
- Vay đối tượng khác	-	-
<b>14.2. Nợ dài hạn đến hạn trả</b>		<b>6.000.000.000</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>372.553.078.905</b>	<b>319.247.625.658</b>

### 15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>15.1. Thuế phải nộp nhà nước</b>	<b>10.481.892.252</b>	<b>32.449.843.475</b>
- Thuế GTGT	1.555.532.992	1.338.983.136
- Thuế TTĐB	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế TNDN	7.400.217.275	27.922.998.236
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất	-	-
- Tiền thuê đất	603.462.749	2.493.820.441
- Các loại thuế khác	922.679.236	694.041.662
+ Thuế thu nhập cá nhân	920.574.109	682.117.140
+ Các loại thuế khác	2.105.127	11.924.522

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### 15.2. Các khoản phải nộp khác

- Các khoản phí, lệ phí	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.481.892.252</b>	<b>32.449.843.475</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

### 16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
- Lãi vay phải trả	1.478.134.957	1.002.910.982
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
- Chi phí khác	112.360.049	236.484.394
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.590.495.006</b>	<b>1.239.395.376</b>

### 17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
- Tài sản thừa chờ xử lý	899.918.443	899.613.523
- BHYT, BHXH, BHTN	2.379.252.377	1.383.500.308
- KPCĐ	997.010.546	861.459.637
- Doanh thu chưa thực hiện (cho thuê văn phòng)	3.892.033.695	125.895.918.400
- Phải trả về cổ phần hoá	387.281.608	387.281.608
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Cổ tức phải trả	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.208.311.175	18.040.591.493
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.763.807.844</b>	<b>147.468.364.969</b>

Chi tiết số dư khoản mục phải trả, phải nộp khác tại ngày 31/12/2014 là:

Chi phí đồng phục công nhân và nhân viên văn phòng	2.907.484.000
Chi khen thưởng, lễ tết	1.000.000.000
Công Ty IKEA TRADING HONGKONG	1.249.025.783
Công Ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	4.222.437.516
Công Ty TODAY'S TEXTILE (Đài Loan)	925.066.987
Công Ty BALLARD DESIGNS	415.152.576
Công Ty EAST WEST MANUFACTURING	440.616.757
Công Ty Cổ Phần Phong Phú	1.061.710.952
Các đối tượng khác	986.816.604
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.208.311.175</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### 18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>18.1. Vay dài hạn</b>	<b>19.289.696.500</b>	<b>19.977.196.500</b>
- Vay ngân hàng	19.289.696.500	19.977.196.500
+ Ngân Hàng TMCP Quân Đội	18.000.000.000	18.000.000.000
+ Ngân Hàng Vietcombank - CN Huế	1.289.696.500	1.977.196.500
- Vay đối tượng khác	-	-
- Trái phiếu phát hành	-	-
<b>18.2. Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Thuê tài chính	-	-
- Nợ dài hạn khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.289.696.500</b>	<b>19.977.196.500</b>

### 19. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	-
Khoản hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	-	(1.478.068.868)
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 20.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Số dư đầu năm nay	139.245.880.000	171.657.714.793	(107.134.765.077)	35.483.599.600	10.109.909.000	91.964.934.490
- Tăng trong năm	-	-	(295.000.000)	-	-	52.662.775.010
Trong đó:						
- Tăng do phát hành thêm cổ phiếu			-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	48.058.886.836
- Tăng do mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác			(295.000.000)			4.603.888.174
- Giảm trong năm	-	-	-	-	-	15.122.592.144
Trong đó:						
- Trích lập các quỹ theo biên bản họp đại HĐCĐ	-	-	-	-	-	-
. Quỹ Dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-
. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-
- Thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	459.393.750
- Trích nộp thuế TNCN	-	-	-	-	-	40.800.000
- Chi cổ tức các năm trước	-	-	-	-	-	10.153.764.598
- Giảm khác	-	-	-	-	-	4.468.633.796
- Số dư cuối năm	139.245.880.000	171.657.714.793	(107.429.765.077)	35.483.599.600	10.109.909.000	129.505.117.356

#### 20.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	%	Đầu năm	%
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác (cổ đông, thành viên...)	139.245.880.000	100,00%	139.245.880.000	100,00%
<b>Tổng cộng</b>	<b>139.245.880.000</b>	<b>100%</b>	<b>139.245.880.000</b>	<b>100%</b>
* Thặng dư vốn cổ phần	171.657.714.793		171.657.714.793	
* Cổ phiếu ngân quỹ	(107.429.765.077)	3.198.990 cổ phiếu	(107.134.765.077)	3.169.490 cổ phiếu



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### 20.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	139.245.880.000	139.245.880.000
+ Vốn góp đầu năm	139.245.880.000	127.745.880.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	11.500.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	139.245.880.000	139.245.880.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	10.153.764.598	24.071.994.500

### 20.4. Cổ phiếu

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.924.588	13.924.588
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.924.588	13.924.588
+ Cổ phiếu thường	13.924.588	13.924.588
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại	3.198.990	3.169.490
+ Cổ phiếu thường	3.198.990	3.169.490
Trong đó:		
Gilimex mua	242.000	212.500
Công ty con mua	2.956.990	2.956.990
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.725.598	10.755.098
+ Cổ phiếu thường	10.725.598	10.755.098
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

### 20.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	35.483.599.600	35.483.599.600
- Quỹ dự phòng tài chính	10.109.909.000	10.109.909.000
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(435.838.225)	(435.838.225)

#### Mục đích của trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

##### 20.5.1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### 20.5.2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để

- a) Bổ sung vốn điều lệ cho công ty.
- b) Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

### 20.5.3. Quỹ khen thưởng được dùng để:

- a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.
- b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty .
- c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.

### 20.5.4. Quỹ phúc lợi được dùng để:

- a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.
- b) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.
- c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- d) Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### 21. DOANH THU

Chỉ tiêu	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>21.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Tổng doanh thu	1.108.271.109.436	892.754.842.227
+ Doanh thu bán thành phẩm	951.834.580.810	859.150.084.407
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.709.255.896	33.604.757.820
+ Doanh thu bán BĐS đầu tư	125.727.272.730	
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-	75.442.500
+ Chiết khấu thương mại	-	-
+ Giảm giá hàng bán	-	-
+ Hàng bán bị trả lại	-	75.442.500
+ Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-	-
+ Thuế TTĐB	-	-
+ Thuế xuất khẩu	-	-
- Doanh thu thuần	1.108.271.109.436	892.679.399.727
Trong đó:		
+ Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	951.834.580.810	859.074.641.907
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	30.709.255.896	33.604.757.820
<b>21.2. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	8.791.916.869	8.484.106.592
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.578.575.348	5.508.702.849
- Lãi bán chứng khoán	336.608.860	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	35.158.400	1.487.284.017
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.559.959.623	1.369.399.917
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	281.614.638	118.719.809
<b>21.3. Thu nhập khác</b>	36.358.671.725	148.141.531.812
- Thu nhập từ vận chuyển	-	-
- Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	35.210.144.038	146.359.745.455
- Cán trừ công nợ	208.734.412	-
- Công nợ không ai đòi	246.060.418	404.366.734
- Thu từ bán phế liệu và thu nhập khác	693.732.857	1.377.419.623

### 22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
- Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã cung cấp	792.796.127.143	762.566.885.539
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	9.336.160.176	9.591.066.788
- Giá trị còn lại của BĐS đầu tư đã bán	122.877.285.516	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>925.009.572.835</b>	<b>772.157.952.327</b>

### 23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
- Chi phí dự phòng chứng khoán	(6.558.197.116)	(5.063.857.940)
- Chi phí lãi vay	20.757.028.071	24.729.527.859

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.465.279.661	3.919.516.627
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	369.249.955	1.311.917.315
- Lợi thế thương mại	483.218.160	-
- Lỗ bán chứng khoán	1.546.337.615	-
- Chi phí tài chính khác	96.733.607	2.004.712.773
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.159.649.953</b>	<b>26.901.816.634</b>

### 24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
- Chi phí vi phạm hợp đồng, lãi phạt chậm nộp	286.761.328	460.484.370
- Thanh lý hàng, nguyên vật liệu tồn lâu ngày, hư hỏng	374.591.143	826.777.287
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.832.484.277	61.921.526.116
- Chi phí phân bổ	34.379.598.584	-
- Chi phí khác	494.861.758	402.224.005
<b>Tổng cộng</b>	<b>37.368.297.090</b>	<b>63.611.011.778</b>

### 25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	18.101.408.268	36.082.920.998
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.101.408.268</b>	<b>36.082.920.998</b>

### 26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(23.606.590)	(90.741.221)
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	1.211.321.832
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	90.741.221	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>67.134.631</b>	<b>1.120.580.611</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### 27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chỉ tiêu	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu	603.327.316.057	437.955.900.296
2. Chi phí nhân công	233.521.468.525	183.599.972.789
3. Chi phí khấu hao TSCĐ	15.691.671.173	31.219.628.607
4. Chi phí dịch vụ mua ngoài	148.734.566.370	17.681.364.956
5. Chi phí khác bằng tiền	48.683.173.716	82.903.886.737
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.049.958.195.841</b>	<b>753.360.753.384</b>

### 28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	51.871.075.010	66.510.347.484
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	51.871.075.010	66.510.347.484
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.528.442	10.868.468
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.927	6.120

### IV. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Thông tin về những khoản nợ tiềm tàng và các cam kết khác:

##### a. Những khoản nợ tiềm tàng:

Trong năm 2014, Công ty Gilimex có nhận Quyết định số 2791/QĐ-DT-TT, ngày 28/11/2014 của Cục trưởng Cục thuế Tp. Hồ Chí Minh về việc thanh tra thuế tại Công Ty CP SX Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh, thời kỳ thanh tra: năm 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012. Ngày 06/02/2015, Cục thuế Hồ Chí Minh ra Quyết định số 478/QĐ-CT-XP về việc xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế. Theo Quyết định này, Cục thuế Hồ Chí Minh:

+ Truy thu số tiền thuế:	1.821.941.655
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.818.547.896
Thuế thu nhập cá nhân	3.393.759
+ Phạt vi phạm hành chính về thuế, số tiền:	697.740.451
Phạt 10% trên số tiền thuế khai thiếu	93.257.512
Phạt chậm nộp trên số tiền thuế khai thiếu	604.482.939
Tổng cộng số tiền thuế truy thu và tiền phạt Công ty Gilimex là:	2.519.682.106

##### b. Các cam kết khác:

Trong năm 2014, Công Ty Unimex bán Công trình Trung tâm Thương mại - Dịch vụ - Giải trí Phong Phú Plaza cho Công Ty CP TMDV Thuận Phú, lợi nhuận từ việc bán TTTM Công ty đã tính và nộp thuế TNDN số tiền là 1.045.439.361 đồng, nhưng chưa hạch toán khoản thuế phải trả Nhà Nước này trong năm 2014, Công ty sẽ hạch toán bổ sung trong năm 2015.

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

## 2. Thông tin về các bên liên quan

### Tình hình thu nhập của Ban Giám đốc

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lương và thưởng của các thành viên BGD	3.780.000.000	3.780.000.000
Lương và thưởng của các thành viên HĐQT	528.000.000	528.000.000

## 3. Thông tin về Báo cáo bộ phận:

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

## 4. Tài sản và nợ phải trả tài chính:

Do chưa có hướng dẫn cụ thể thực hiện hạch toán, theo dõi về công cụ tài chính nên Công ty chưa có sự chuẩn bị đầy đủ về hệ thống công nghệ thông tin, quy trình nghiệp vụ, cơ sở dữ liệu, đào tạo nhân viên... để trình bày khoản mục này.

## 5. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty:

### a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh ( chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

### b. Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

### c. Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### d. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản trong đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng như cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

e. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Tại ngày 31/12/2014	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	90.453.037.370	-	-	90.453.037.370
Người mua trả tiền trước	510.357.550	-	-	510.357.550
Vay và nợ	372.553.078.905	-	-	372.553.078.905
Phải trả người lao động	33.907.565.943	-	-	33.907.565.943
Chi phí phải trả	1.590.495.006	-	-	1.590.495.006
Các khoản phải trả phải nộp khác	17.871.774.149	-	-	17.871.774.149
<b>Cộng</b>	<b>516.886.308.923</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>516.886.308.923</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### f. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro khác.

Các phân tích về độ nhạy dưới đây được trình bày trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

### g. Rủi ro về cổ phiếu

Cổ phiếu của Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về cổ phiếu là không đáng kể.

### h. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

### i. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

### j. Độ nhạy của ngoại tệ

Công ty thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá", do đó tỷ giá Công ty sử dụng để đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ là tỷ giá bình quân liên ngân hàng được Ngân Hàng Nhà Nước công bố tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tại thời điểm cuối năm, tỷ giá bình quân liên ngân hàng không thay đổi nên Công ty không thực hiện tính độ nhạy của ngoại tệ.

### k. Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty.

501172  
CÔNG TY  
NHIỆM VỤ  
VỤ TƯ  
NH KẾ  
LIÊM TO  
LÀ NAM  
P. HỒ C

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### 6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS kiểm toán.

Lập ngày 09 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu



Dương Ngọc Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh Hiếu

Tổng Giám đốc



Lê Hùng



PHAN VĂN TRỊ  
TƯ VẤN  
TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN  
PHÍA NAM  
AASCS